TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 135/2019/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 21 tháng 3 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 55/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. **Anh Nguyễn Đức T,** sinh năm: 1989; địa chỉ: Số 10/95 Kiệt 7 đường Ư, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. **Chị Phan Thị Kim C**, sinh năm: 1990; địa chỉ: Số 10/95 Kiệt 7 đường Ư, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh T, chị C tự nguyện kết hôn vào ngày 30/6/2010 tại Uỷ ban nhân dân phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi kết hôn, anh T, chị C chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng nghi ngờ lẫn nhau, sống chung với nhau mà không quan tâm với nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Anh T, chị C đã sống ly thân từ tháng 8/2018 cho đến nay và không quan tâm nhau nữa. Nay anh T, chị C nhận thấy không T tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên anh T, chị C thoả thuận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh T, chị C xác nhận vợ chồng có 03 con chung: Nguyễn Thị Nhật C, sinh ngày: 13/7/2011 và Nguyễn Thị Nhật T, sinh ngày: 04/8/2013 và Nguyễn Đức C, sinh ngày: 25/7/2015. Con Nhật C và Nhật T đang ở cùng anh T; con Đức C đang ở cùng chị C.

Anh T, chị C thoả thuận giao con Nhật C, Nhật T cho anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; Giao con Đức C cho chị C trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T, chị C không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[3] Về tài sản chung: Anh T, chị C xác nhận không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh T, chị C xác nhận không có.

[5] Về lệ phí Toà án: Anh T, chị C mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí, anh chị đã nộp đủ theo Biên lai số 007657 ngày 28/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ T như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức T và chị Phan Thị Kim C thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh T, chị C thoả thuận giao con Nguyễn Thị Nhật C, sinh ngày: 13/7/2011 và Nguyễn Thị Nhật T, sinh ngày: 04/8/2013 cho anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi; Giao con Nguyễn Đức C, sinh ngày: 25/7/2015 cho chị C trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh T, chị C không cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Anh T, chị C xác nhận không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh T, chị C xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh T, chị C mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí, anh chị đã nộp đủ theo Biên lai số 007657 ngày 28/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TP Huế;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Các đương sự;
- UBND Phường V, TP Huế (ĐKKH số 67, ngày 30/6/2010);
- Lưu dán;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Tôn Minh Hiền